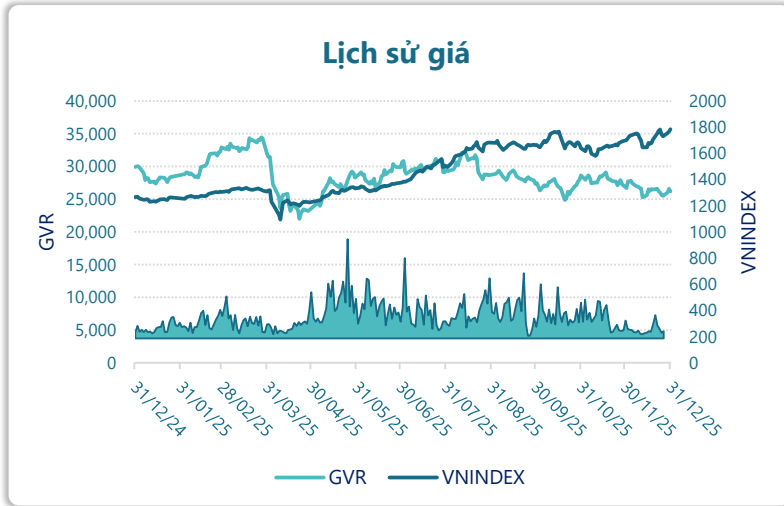




Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (HSX: GVR)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	26,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,459
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,986
SL cổ phiếu LH	4,000,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,742,635
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	104,800
P/E	19.0
EPS	1,382

DT thuần
Q4/25

8,506

tỷ VNĐ

QoQ: ▼788 | -8.5%

YoY: ▼795 | -8.6%

LN sau thuế
Q4/25

1,136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,051 | -48.1%

YoY: ▼1,262 | -52.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

26.5%

+/- YoY: ▲ 3.8%

DT thuần
2025

29,367

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,125 | 11.9%

LN sau thuế
2025

6,258

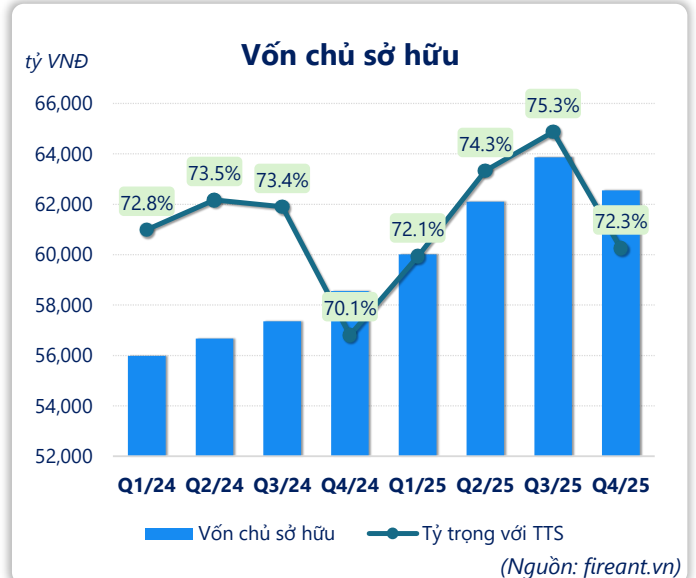
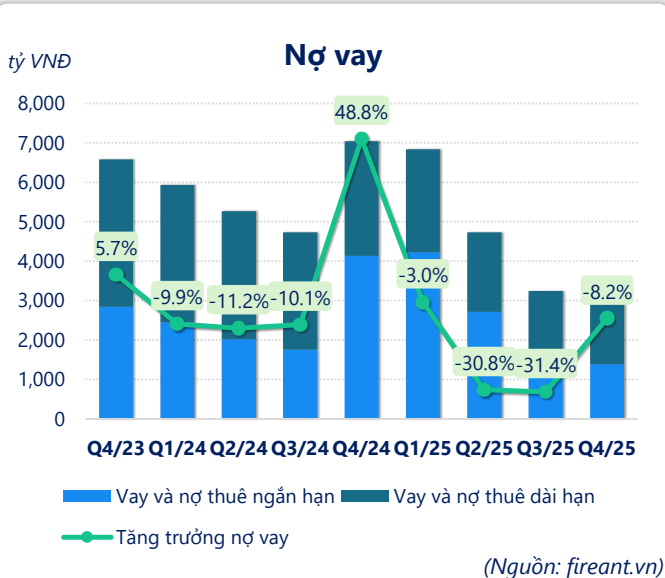
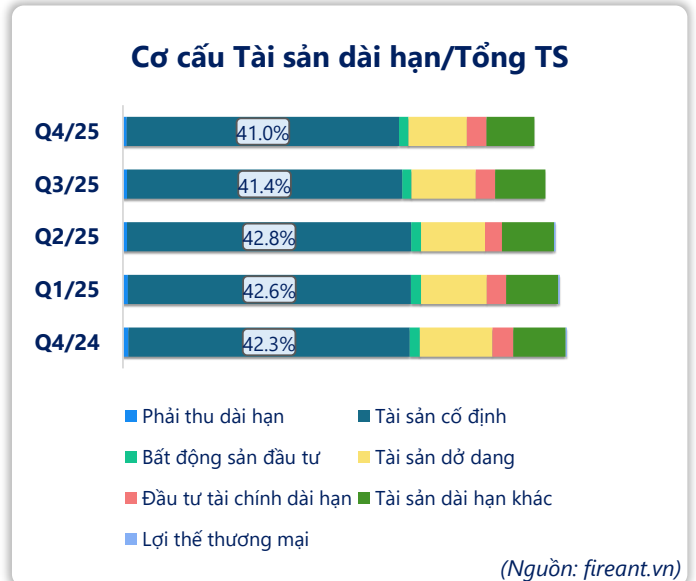
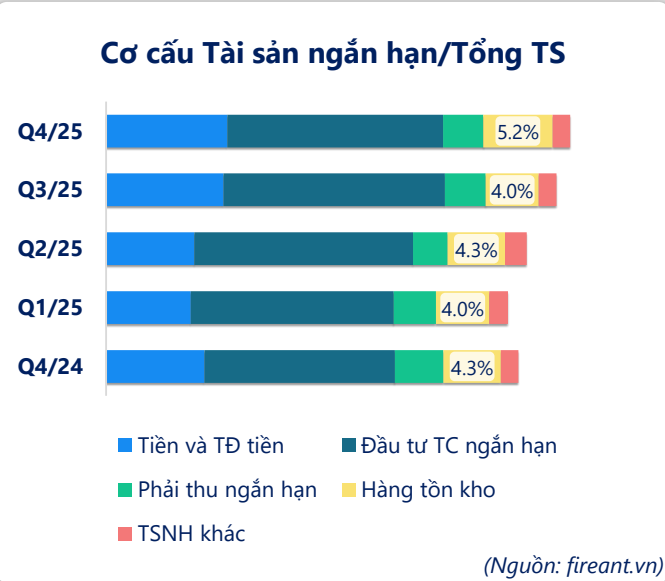
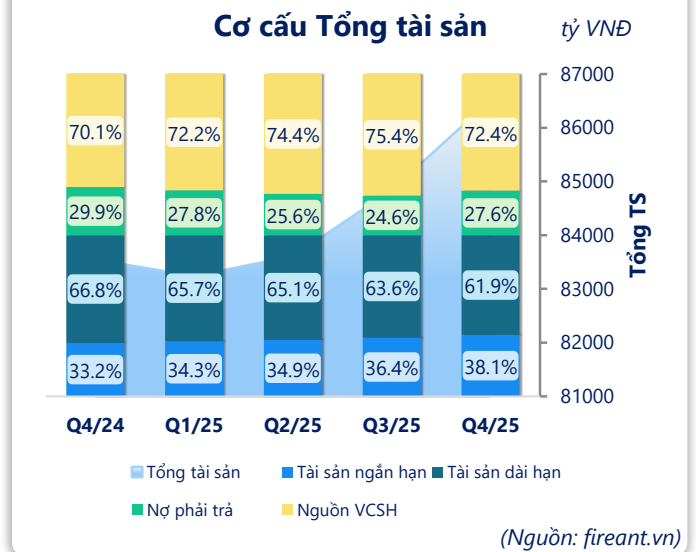
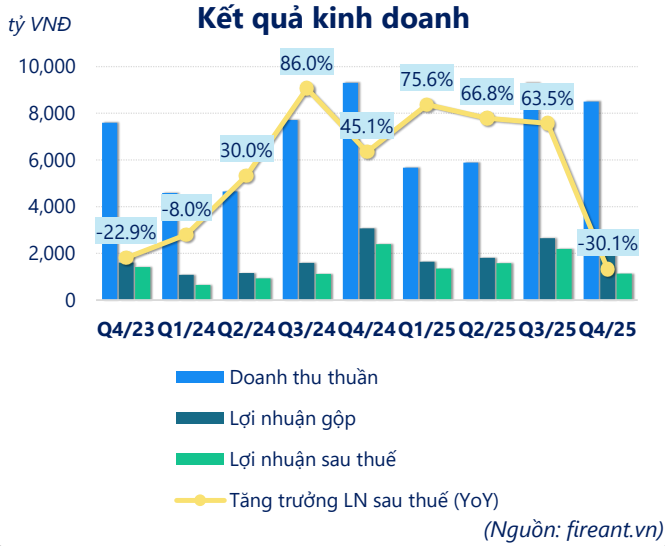
tỷ VNĐ

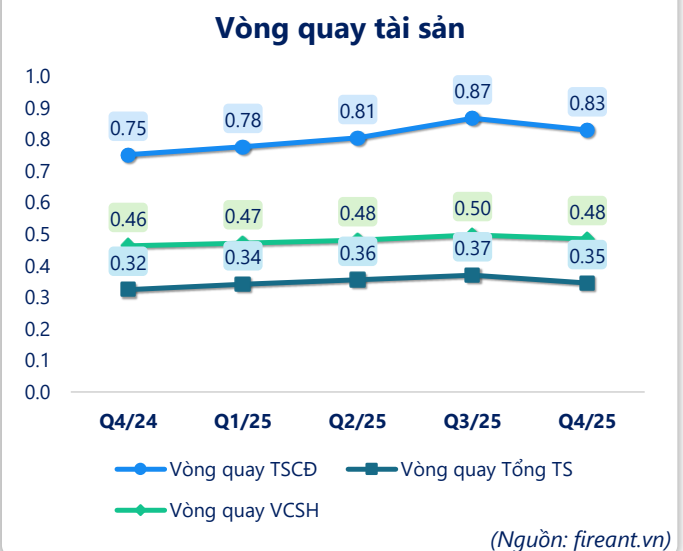
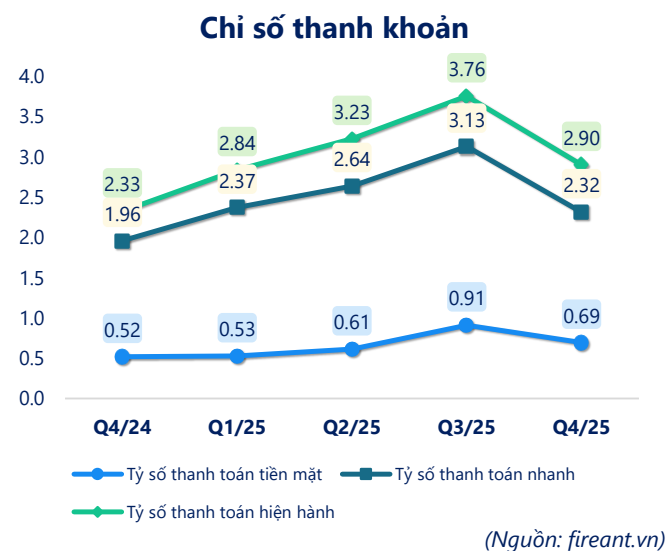
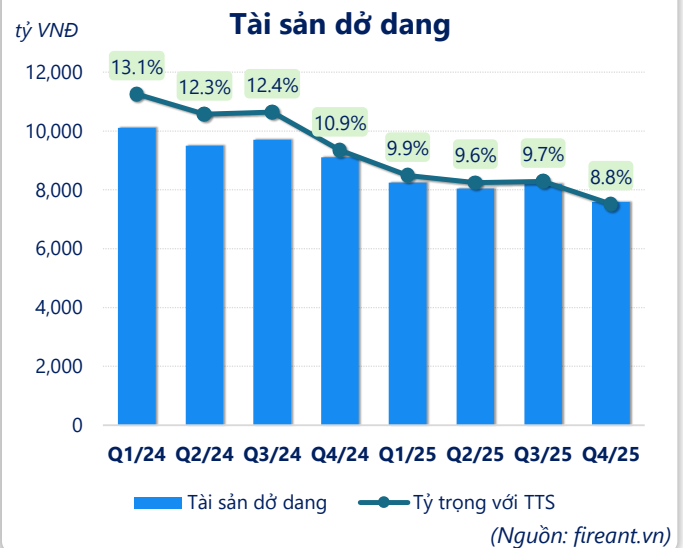
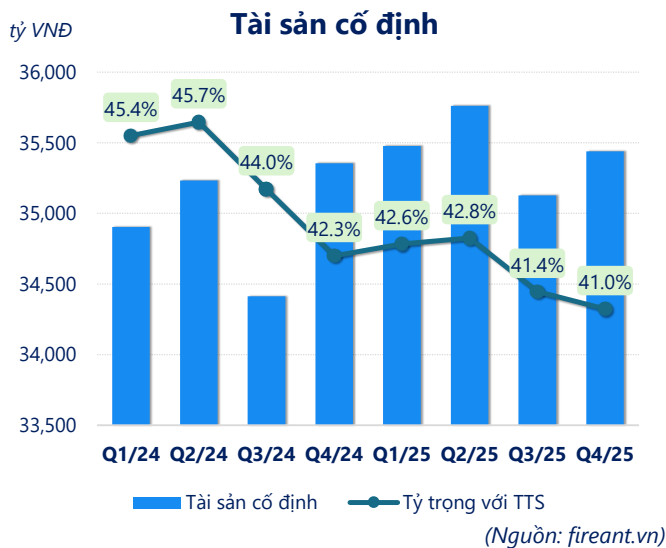
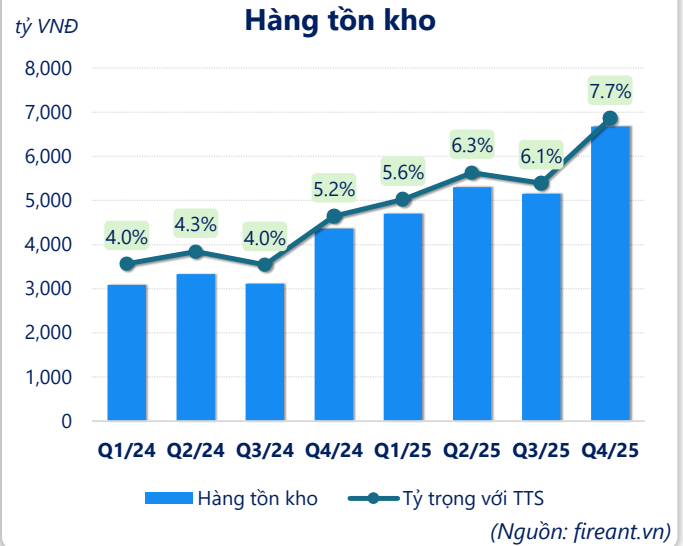
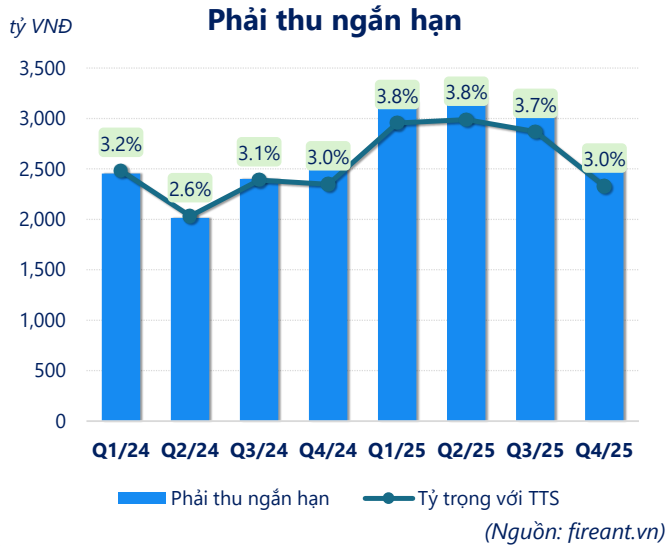
YoY: ▲ 1,431 | 29.7%

ROE
2025

9.1%

+/- YoY: ▲ 2.1%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	83,545	83,240	83,610	84,839	86,514
Tài sản ngắn hạn	27,739	28,554	29,211	30,912	32,961
Tiền và tương đương tiền	6,187	5,299	5,546	7,488	7,887
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,561	14,273	13,804	13,965	14,563
Phải thu ngắn hạn	2,523	3,164	3,213	3,129	2,588
Hàng tồn kho	4,365	4,701	5,298	5,149	6,672
Tài sản ngắn hạn khác	1,103	1,117	1,349	1,181	1,251
Tài sản dài hạn	55,806	54,686	54,399	53,927	53,553
Phải thu dài hạn	690	601	511	510	498
Tài sản cố định	35,355	35,476	35,762	35,127	35,440
Bất động sản đầu tư	1,283	1,251	1,223	1,197	1,246
Tài sản dở dang	9,110	8,243	8,048	8,201	7,589
Đầu tư tài chính dài hạn	2,641	2,427	2,124	2,476	2,530
Tài sản dài hạn khác	6,559	6,524	6,575	6,416	6,250
Lợi thế thương mại	168	162	155	0	0
Nợ phải trả	24,938	23,157	21,425	20,906	23,913
Nợ ngắn hạn	11,926	10,058	9,055	8,231	11,353
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,133	4,228	2,718	1,422	1,391
Phải trả người bán ngắn hạn	985	677	942	767	974
Nợ dài hạn	13,013	13,099	12,370	12,675	12,560
Vay và nợ thuê dài hạn	2,911	2,605	2,010	1,820	1,586
Nguồn vốn chủ sở hữu	58,606	60,083	62,185	63,933	62,601
Vốn chủ sở hữu	58,557	60,015	62,106	63,863	62,553
Vốn điều lệ	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
Kinh phí và quỹ khác	49.0	67.9	78.7	70.5	48.5

(Nguồn: fireant.vn)